BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN: VIE303: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Hệ đào tạo: Đại học chính quy -Năm học: 2018-2019 --Lần thi: 2
Phòng thi: ĐLTL1 - P708 Nhà C. Ngày thi: 05/01/2019 Ca 2

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Ghi chú
1	1407080001	Lê Ngọc Hoài An	19/07/1996	1TB-14	**6.0**	
2	1506090002	Nguyễn Thị An	17/12/1997	2D-15	**B**	Vắng thi
3	1506080002	Vũ Bình An	27/05/1997	1Q-15	**6.0**	
4	1607090002	Bùi Quỳnh Anh	01/01/1998	1I-16	**5.5**	
5	1607090129	Đỗ Thị Quỳnh Anh	27/11/1997	4I-16	**5.0**	
6	1607090122	Dương Tuấn Anh	26/08/1998	2I-16	**5.0**	
7	1506090008	Nguyễn Phương Anh	02/03/1997	3D-15	**6.0**	
8	1507030008	Nguyễn Thị Bé Anh	11/12/1997	1P-16	**7.0**	
9	1604000003	Nguyễn Thị Lan Anh	28/08/1998	1K-16	**5.0**	
10	1607090014	Nguyễn Thị Mỹ Anh	28/05/1997	2I-16	**6.0**	
11	1601040257	Phạm Thị Ngọc Anh	06/03/1998	1C-16	**7.0**	
12	1604040014	Phan Hà Anh	23/03/1998	1TC-16	**5.0**	
13	1504040009	Trần Đức Anh	22/06/1997	1TC-15	**7.0**	
14	1507050011	Trần Thị Ngọc Anh	03/08/1997	3Đ-15	**7.0**	
15	1501040022	Hoàng Huệ Chi	22/06/1997	2C-15	**6.0**	
16	1307050021	Phạm Tiến Đạt	05/11/1995	2Đ-15	**K**	KĐĐK
17	1607030026	Hoàng Ngọc Diễm	19/03/1998	3P-16	**6.0**	
18	1607060031	Phạm Thị Huyền Diễm	07/03/1998	1NB-16	**7.0**	
19	1501040037	Lý Minh Đức	21/09/1997	4C-15	**7.0**	
20	1507070129	Nguyễn Thị Dung	28/07/1996	3H-15	**5.0**	
21	1606080149	Phạm Thị Bích Dung	07/05/1998	1Q-16	**6.0**	
22	1504040026	Vũ Thị Dung	18/10/1997	2TC-15	**6.0**	
23	1301040039	Ngô Tiến Dũng	26/11/1995	5C-13	**6.0**	
24	1607080011	Nguyễn Tuấn Dũng	24/04/1998	2TB-16	**5.0**	
25	1301040048	Trần Văn Dương	11/02/1994	2C-13	**C**	Hoãn thi
26	1607100017	Trịnh Thùy Dương	13/05/1998	1B-16	**7.0**	
27	1504040029	Vũ Thùy Dương	31/10/1996	4TC-15	**6.0**	
28	1607070018	Bùi Thị Mỹ Duyên	12/02/1998	1H-16	**5.0**	

29	1406080018	Bùi Thuỳ Giang	25/08/1996	2Q-14	**K**	KĐĐK
30	1607080013	Phạm Hoàng Giang	30/06/1998	1TB-16	**7.0**	
31	1607070023	Lê Thu Hà	07/09/1998	2H-16	**K**	KĐĐK
32	1407090028	Lê Thị Nhật Hạ	07/09/1996	2I-15	**3.0**	Chuyển ca
33	1604000033	Hồ Việt Hằng	28/10/1998	3K-16	**8.0**	
34	1507010083	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/09/1997	7A-15	**K**	KĐĐK
35	1604010025	Nguyễn Thúy Hằng	16/03/1998	3KT-16	**5.0**	
36	1507090026	Vũ Thanh Hằng	15/09/1997	2I-15	**7.0**	
37	1604000036	Nguyễn Thị Hạnh	21/09/1997	3K-16	**5.0**	
38	1501040065	Trương Hồng Hạnh	12/10/1997	3C-15	**6.0**	
39	1604000041	Nguyễn Đồng Minh Hiếu	09/10/1998	1K-16	**6.0**	
40	1501040073	Nguyễn Trung Hiếu	09/08/1997	5C-15	**4.0**	
41	1607100023	Trần Thị Như Hoa	03/12/1998	1B-16	**5.0**	
42	1504040043	Nguyễn Thị Hoà	16/10/1997	3TC-15	**7.0**	
43	1407020027	Phạm Xuân Hòa	02/12/1996	1N-15	**6.0**	
44	1601040288	Nguyễn Thị Thu Hoài	02/03/1998	2C-16	**6.0**	
45	1506080046	Phạm Thu Hồng	14/06/1997	4Q-15	**7.0**	
46	1606090039	Hà Thiên Hương	03/12/1997	2D-16	**8.0**	
47	1504000031	Nguyễn Thị Hương	07/11/1997	1K-15	**6.5**	
48	1601040098	Hoàng Thị Thanh Huyền	10/03/1998	2C-16	**7.0**	
49	1504000039	Phạm Kim Khánh	31/08/1997	1K-15	**B**	Vắng thi
50	1506080065	Chu Tường Linh	23/02/1997	5Q-15	**7.5**	
51	1606080068	Nguyễn Hải Linh	22/01/1998	1Q-16	**6.0**	
52	1607070062	Nguyễn Thị Ngọc Linh	14/02/1998	1H-16	**K**	KĐĐK
53	1407030050	Trần Đinh Khánh Linh	29/03/1996	1P-15	**6.0**	
54	1407050072	Trần Lê Khánh Linh	01/09/1996	4Đ-15	**K**	KĐĐK
55	1607090070	Trần Ngọc Linh	19/01/1998	2I-16	**4.0**	
56	1507090051	Trần Ngọc Linh	25/10/1997	3I-16	**3.0**	
57	1604000074	Trần Phương Linh	16/05/1998	3K-16	**7.0**	
58	1607020152	Tưởng Thùy Linh	08/12/1998	1N-16	**6.0**	
59	1507090055	Nguyễn Thị Loan	22/10/1997	2I-15	**6.5**	
60	1506080077	Nguyễn Quốc Bảo Long	25/07/1997	2Q-15	**6.0**	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN: VIE303: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hệ đào tạo: Đại học chính quy -Năm học: 2018-2019 --Lần thi: 2

Phòng thi: ĐLTL2 - P608 Nhà C. Ngày thi: 05/01/2019 Ca 2

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Ghi chú
1	1606090056	Nguyễn Thị Ngọc Mai	20/11/1998	2D-16	**6.0**	
2	1507050069	Vương Ngọc Mai	26/12/1997	2Đ-15	**5.0**	
3	1504000061	Đặng Nhật Minh	12/07/1997	1K-15	**5.0**	
4	1507090061	Nguyễn Quang Minh	05/11/1997	2I-15	**6.0**	
5	1501040129	Nguyễn Trà My	12/12/1997	3C-15	**5.5**	
6	1507070131	Vi Na	19/07/1996	4H-15	**7.0**	
7	1601040160	Đoàn Kim Ngân	21/08/1998	4C-16	**6.0**	
8	1401040142	Nguyễn Đức Nghĩa	03/04/1996	2C-14	**4.0**	
9	1607090078	Nguyễn Minh Ngọc	24/09/1998	2I-16	**6.0**	Thi bù
10	1607030084	Dương Thị Hương Nguyên	18/12/1998	3P-16	**6.0**	
11	1507020065	Nguyễn Hạnh Nguyên	21/04/1996	2N-15	**7.0**	
12	1606080094	Nguyễn Phương Nhi	02/12/1998	4Q-16	**K**	KĐĐK
13	1506090059	Nguyễn Thị Nhung	19/12/1997	2D-15	**6.5**	
14	1606090070	Nguyễn Tiến Phong	07/09/1998	2D-16	**6.0**	
15	1607030092	Đỗ Thanh Phương	08/12/1998	1P-16	**6.5**	
16	1506080101	Hoàng Thu Phương	21/09/1997	2Q-15	**8.0**	
17	1307040148	Nguyễn Bích Phương	07/10/1995	8T-13	**K**	KĐĐK
18	1607030134	Nguyễn Thị Nam Phương	15/12/1998	2P-16	**K**	KĐĐK
19	1604040093	Trần Mai Phương	07/09/1998	1TC-16	**7.0**	
20	1607020093	Nguyễn Hồng Phượng	29/04/1998	2N-16	**B**	Vắng thi
21	1307040163	Cao Thái Sơn	29/12/1995	8T-13	**5.0**	
22	1604000094	Nguyễn Thị Thanh Tâm	26/02/1998	1K-16	**7.0**	
23	1607070136	Vi Thị Thái	13/09/1997	4H-16	**7.0**	
24	1507020081	Phan Công Thành	10/09/1997	2N-15	**5.5**	
25	1604000099	Bùi Thị Phương Thảo	04/04/1998	1K-16	**6.0**	
26	1607100050	Bùi Thu Thảo	20/06/1998	1B-16	**8.0**	
27	1507090085	Cung Phương Thảo	14/07/1996	1I-16	**6.0**	
28	1501040178	Nguyễn Minh Thảo	27/06/1997	1C-15	**6.0**	
29	1504040093	Vũ Đức Thịnh	09/07/1994	4TC-15	**CC**	Chuyển ca
30	1604040108	Bùi Hà Thu	19/08/1998	1TC-16	**6.0**	
31	1506080119	Nguyễn Hà Thu	05/10/1997	4Q-15	**5.0**	

32	1501040182	Nguyễn Thị Hồng Thu	19/02/1997	5C-16	**6.5**	
33	1506090073	Lại Thị Huyền Thương	11/08/1997	2D-15	**6.0**	
34	1606080124	Trịnh Thúy Thương	21/06/1998	3Q-16	**7.0**	
35	1604000108	Bùi Minh Thúy	16/12/1998	1K-16	**6.5**	
36	1501040184	Đặng Ngọc Thúy	21/09/1997	3C-15	**5.5**	
37	1607090100	Lê Thị Thu Thùy	12/01/1997	1I-16	**5.0**	
38	1504040095	Phan Thủy Tiên	09/10/1997	1TC-15	**6.0**	
39	1507040224	Nguyễn Thị Hương Trà	08/08/1997	3T-15	**7.0**	
40	1607020117	Lê Minh Trang	13/03/1998	2N-16	**5.0**	
41	1507050110	Lê Quỳnh Trang	14/10/1997	1Đ-16	**6.0**	
42	1607090109	Nguyễn Thùy Linh Trang	30/09/1998	3I-16	**6.5**	
43	1607060226	Vũ Thị Huyền Trang	29/04/1998	3NB-16	**5.5**	
44	1407040224	Phạm Minh Tuấn	22/11/1996	2T-14	**4.0**	
45	1501040206	Lại Thanh Tùng	13/01/1997	5C-15	**5.0**	
46	1606080133	Hoàng Thị Thu Uyên	30/08/1998	3Q-16	**4.0**	
47	1607080058	Lê Thị Vân	17/09/1998	2TB-16	**K**	KĐĐK
48	1607090120	Nguyễn Anh Vũ	16/03/1997	2I-16	**7.0**	
49	1501040214	Nguyễn Tuấn Vũ	30/08/1997	5C-15	**6.0**	
50	1504040109	Nguyễn Lâm Hà Vy	31/12/1997	1TC-15	**5.0**	
51	1504000110	Mai Hương Xuân	09/03/1997	3K-15	**7.0**	
52	1607090200	Phạm Hải Yến	27/10/1998	4I-16	**6.5**	
53	1407070093	Đỗ Thị Hồng Nhung	02/05/1996	2H-14	**5.0**	
54	1604010076	Hà Hồng Nhung	23/05/1998	2KT-16	**5.0**	

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hanh phúc

KẾT QUẢ THI MÔN: VIE303: ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
Hệ đào tạo: Đại học chính quy -Năm học: 2018-2019 --Lần thi: 2
Phòng thi: Chuyển ca_ P608 Nhà C. Ngày thi: 05/01/2019 Ca 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Điểm	Ghi chú
1	1504040093	Vũ Đức Thịnh	09/07/1994	4TC-15	**5.0**	

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

Người lập bảng	**Trưởng khoa**	**Giám đốc TT Khảo thí**
Nguyễn Kim Khánh	**Nguyễn Thị Như**	**Phạm Ngọc Thạch**